

Bản án số: **15/2023/HNGĐ-ST**

Ngày **13/4/2023**

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính

Ông Vũ Xuân Dụ

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày **13/4/2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số **09/2023/QĐST-DS** ngày 23/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Xóm 1, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Xóm 2A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; nơi cư trú: Xóm 1, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: có mặt chị H, vắng mặt anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Phạm Thị Mỹ H) kết hôn với anh Nguyễn Văn D trên cơ sở tự nguyện, có Đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2012 tại UBND xã L, huyện K. Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm 1, xã Y, huyện K. Quá trình chung sống vợ chồng sống H phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, anh D không chia sẻ các vấn đề về kinh tế trong gia đình, dẫn đến kinh tế của ai người ấy quản lý, dần dần vợ chồng không có tiếng nói chung. Bên cạnh đó, anh D lại thường xuyên ghen tuông vô cớ, đã nhiều lần chửi bới, đánh đập chị, vì con cái nên chị cố gắng nhẫn nhịn, nhưng anh D ngày càng quá đáng có nhiều lời lẽ xúc phạm chị. Sự việc xảy ra chị H đã nói chuyện với hai bên gia đình, nhưng anh D vẫn không thay đổi. Do không thể tiếp tục chung sống được với anh D, chị H đã xin phép bố mẹ chồng và anh D về nhà bố mẹ đẻ ở tại xóm 2A, xã L, huyện K và vợ chồng chính thức sống ly thân nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: chị H xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh ngày 24/3/2013. Hiện nay cháu đang ở với chị H tại xóm 2A, xã L, huyện K. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản và nợ chung: chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn D, nơi cư trú tại xóm 1, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. **Vụ án được thụ lý theo thủ tục Hòa giải tại Tòa án theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Tòa án đã phối hợp với UBND xã Y giao các văn bản tố tụng, quyền lựa chọn hòa giải viên và báo anh D tham gia hòa giải, nhưng anh D không hợp tác. Do đó theo yêu cầu của người khởi kiện, Tòa án đã chuyển vụ việc sang thụ lý theo thủ tục tố tụng dân sự.** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh D, anh D không nhận các văn bản của Tòa án, đề nghị giao các văn bản cho bố mẹ anh nhận thay và không có ý kiến gì khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai cháu Nguyễn Phạm Hải Đ trình bày: trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng xin được ở với chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh: Chính quyền địa phương xã Y, huyện K cung cấp: anh Nguyễn Văn D và chị Phạm Thị Mỹ H là vợ chồng, anh chị ấy có Đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K vào năm 2012. Sau khi kết hôn anh chị

ấy sinh sống tại xóm 1, xã Y. Qua nắm bắt tình hình cơ sở thì địa phương được biết vợ chồng anh chị ấy có xảy ra **mâu thuẫn**, nguyên nhân cụ thể như nào thì chính quyền địa phương không nắm được. Khoảng thời gian gần đây chị H đã về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm 2A, xã L cho đến nay. Hiện nay anh D vẫn sống tại xóm 1, xã Y kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Về con chung, anh D, chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh tháng 3/2013. Hiện nay cháu đang ở với chị H tại xóm 2A, xã Y. Về công việc thì cả anh D, chị H đều là lao động tự do nên thu nhập của anh chị ấy như nào chính quyền địa phương không nắm được.

Tại Biên bản làm việc ngày **22/02/2023**, ông Nguyễn Văn D1 - bố đẻ anh D cung cấp: anh D là con trai ông; chị Phạm Thị Mỹ H là con dâu, anh chị ấy kết hôn vào tháng 7/2012 và sống cùng gia đình ông bà tại xóm 1, xã Y. Anh D hiện nay làm nghề lái xe, thường xuyên đi xa nhà, đây cũng là lý do dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, ngoài ra ông D1 còn nghe anh D nói chuyện lại chị H có quan hệ bất chính với người khác dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, bản thân ông và vợ ông đã có lần chứng kiến, vì thế anh D mới quản lý tiền bạc trong gia đình. Ngoài việc bị quản lý tài chính thì không biết chị H chơi bời thế nào mà liên tục bị nhiều người đòi nợ. Bản thân vợ chồng ông cũng như bố mẹ đẻ chị H đã khuyên bảo cả anh D, chị H nhưng tình cảm của anh chị ấy vẫn không được cải thiện, dẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên gia đình. Khoảng cuối năm 2022, anh D có nhận được Thông báo lựa chọn hòa giải viên và Thông báo về việc chuyển vụ việc sang hòa giải của Tòa án nhân dân huyện K, nhưng anh D không đến Tòa án làm việc, ông có động viên anh D chấp hành các giấy tờ của Tòa án nhưng không biết anh D có đến Tòa án làm việc hay không thì ông không biết. Đầu năm 2023, Tòa án có đến nhà trực tiếp giao Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh D, nhưng anh D không nhận, là bố đẻ của anh D ông đã nhận thay và giao lại cho anh D. Ông có nói chuyện với anh D đến Tòa án làm việc để giải quyết cho dứt điểm, nhưng anh D nói không muốn gặp mặt chị H, không có ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: vợ chồng anh D, chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh ngày 24/3/2013. Hiện nay cháu đang ở với chị H tại xóm 2A, xã L, huyện K, khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Về tài sản chung, anh D, chị H sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho Phạm Thị Mỹ H ly hôn anh Nguyễn Văn D. Giao con chung là cháu Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh ngày 24/3/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, anh D có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 1, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H có đơn xin không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh D. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 23/3/2023 anh Nguyễn Văn D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 13/4/2023 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn D vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có Đ ký kết hôn ngày 23/7/2012 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực

hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh D và chị H không tôn trọng nhau. Quá trình chung sống, vợ chồng sống H phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do nghị ngờ nhau có quan hệ bất chính với người khác, dẫn đến không tin tưởng nhau về kinh tế gia đình, không đồng quan điểm trong sinh hoạt, mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra từ nhiều năm nay, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và đã có lần xảy ra xô sát, mâu thuẫn xảy ra được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành, thực tế hai người đã không quan tâm đến nhau, hiện đang sống ly thân nhau.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh D đang có mặt tại nơi cư trú xóm 1, xã Y và anh D đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với anh, nhưng anh D không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhà anh D làm việc, anh D không hợp tác, không ký nhận văn bản, việc chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì. Như vậy, giữa anh D và chị H không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, anh D không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Phạm Thị Mỹ H được ly hôn anh Nguyễn Văn D là phù hợp.

[3] Về con chung: chị H, anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh ngày 24/3/2013. Hiện nay cháu đang ở với chị H tại xóm 2A, xã L, huyện K từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh D không quan tâm gì đến cháu. Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị; anh D không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và theo nguyện vọng của cháu. Nguyện vọng của cháu Đ muốn được ở với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận đề nghị của chị H, giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh ngày 24/3/2013. Anh D không

phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H như sự tự nguyện của chị H và nguyện vọng của cháu Đ là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh D không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Phạm Hải Đ, sinh ngày 24/3/2013 cho chị Phạm Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H; anh D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Phạm Thị Mỹ H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004755 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị H đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng